

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2018
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên; Bà Bùi Thị Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị La- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐHPTST-DS ngày 20/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 3/2 phố U, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984;

ĐKKHKT: Số 3/2 phố U, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

Bà Lưu Thị L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 3/2 phố U, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 13/10/2005, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi hết hôn anh chị thuê nhà ở thành phố H để chung sống, một thời gian sau thì về chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở nhờ. Quá trình vợ chồng chung sống cũng có nhiều mâu thuẫn nhưng anh chị vẫn cố gắng hòa giải để chung sống cùng nhau, nhưng kể từ năm 2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không chịu khó làm ăn, chơi bời, cờ bạc, nợ tiền nhiều người, mọi công việc trong gia đình, chăm sóc các con chị đều phải tự lo liệu, nhiều lần chị khuyên bảo, động viên nhưng anh T vẫn không tiếp thu còn hành hung chị, anh T bỏ nhà đi vợ chồng sống ly thân từ đó. Năm 2016 mẹ đẻ anh T gọi điện thoại nói với chị là anh T đã về ở cùng với bà ở thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, anh T đang bị đau chân nên chị đã đưa các con về thăm anh T, sau đó anh T đi điều trị bệnh như thế nào chị không rõ, thỉnh thoảng chị đưa các con về thăm anh T và thấy sức khỏe của anh T đã ổn định, anh T vẫn ở cùng với mẹ đẻ và anh trai, còn chị và các con vẫn ở nhờ nhà bố mẹ đẻ chị, anh chị không còn quan tâm đến nhau và cũng không có giải pháp gì để khắc phục mâu thuẫn về đoàn tụ, gia đình hai bên nhiều lần động viên nhưng chị nhận thấy anh chị không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 10/5/2006 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày 10/8/2011. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH O, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đ – 7.000.000đ/tháng và đang ở nhờ nhà của bố mẹ, nên đảm bảo các điều kiện về thu nhập, chỗ ở để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Cháu Nguyễn Khánh L, Nguyễn Khánh C trình bày: Các cháu là con của mẹ Th, bố T, hiện nay các cháu đang ở cùng mẹ ở nhà bà ngoại. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ là Lê Thị Th.

Người làm chứng :

Bà Lưu Thị L (mẹ đẻ chị Th) trình bày: Thời gian đầu chị Th, anh T kết hôn chung sống hạnh phúc, sau đó từ năm 2008 khi anh T thay đổi công việc, mãi chơi,

không có trách nhiệm với gia đình vợ con, dẫn đến anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, mỗi khi vợ chồng mâu thuẫn anh T lại bỏ nhà đi một vài tháng, năm 2013 có nhiều người đến nhà bà đòi tiền anh T, năm 2014 chị Th quyết định đi lao động ở nước ngoài để kiếm tiền nhưng anh Th không đồng ý, chửi đánh chị Th và bỏ nhà đi. Năm 2016 anh T gọi điện nói với chị Th là anh đang ở quê cùng mẹ đẻ và đang bị đau chân, chị Th đã đưa các con về thăm anh T, nhưng anh chị cũng không nói gì đến việc đoàn tụ và hiện vẫn sống ly thân nhau. Chị Th và anh T có hai con chung, hiện mẹ con chị Th đang ở nhờ nhà bà.

Anh Nguyễn Văn S (anh trai anh T) trình bày: Sau khi kết hôn cùng chị Th, anh T chuyển hộ khẩu thường trú về thành phố H và chung sống cùng chị Th ở thành phố H. Do anh hay đi làm xa nhà, không ở gần vợ chồng anh T nên anh không rõ mâu thuẫn của anh chị đó như thế nào. Đến năm 2016 anh T bị ốm không đi làm được nên về sống với mẹ đẻ là bà Mạc Thị B ở thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, từ khi anh T bị ốm về đó ở chị Th không có trách nhiệm gì với anh T, toàn bộ chi phí điều trị bệnh do anh và mẹ anh bỏ ra. Hiện nay anh T vẫn sống cùng với mẹ đẻ anh còn chị Thúy ở nhà bố mẹ đẻ ở thành phố H. Về con chung: chị Th và anh T có hai con chung là Nguyễn Khánh L và Nguyễn Khánh C hiện cả hai cháu đang ở với chị Th, anh T hiện không có việc làm ổn định, không có nhà đất mà vẫn ở nhờ nhà của anh. Anh xác nhận Công an xã nhiều lần đến gia đình anh giao thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản khác của Tòa án cho anh T, còn việc anh T có đến Tòa án làm việc hay không anh không rõ.

Theo tài liệu xác minh tại Công an xã H và Trường thôn T thể hiện: Anh Nguyễn Văn T sau khi kết hôn với chị Th đã chuyển hộ khẩu thường trú đến thành phố H, vợ chồng anh T chung sống tại thành phố H nên địa phương không rõ mâu thuẫn của anh chị như thế nào. Khoảng cuối năm 2016 anh T chuyển về sống cùng mẹ đẻ là bà Mạc Thị B và ở nhờ nhà của anh trai là anh Nguyễn Văn S tại thôn T, xã H, huyện N, Hải Dương. Hiện nay anh T vẫn sống ở đó còn vợ con anh T không thấy về địa phương. Công an xã đã nhiều lần nhận được các văn bản của Tòa án như Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo hòa giải triệu tập anh T đến Tòa án giải quyết việc chị Th xin ly hôn anh T và đã giao các văn bản của Tòa án cho anh T, người nhà anh T.

Theo tài liệu xác minh đối với Trường khu Khu 14, phường N, thành phố H cung cấp: Hiện chị Th và anh T đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số 3/2 phố U, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Th chung sống cùng nhau ở địa chỉ nói trên, thời gian đầu không thấy có mâu thuẫn, đến năm

2014 có nhiều người đến đòi nợ anh T thì vợ chồng xây ra mâu thuẫn cãi nhau, sau đó anh T bỏ đi, không chung sống với chị Th kể từ thời gian đó. Từ khi anh T bỏ đi không thấy anh T quay về thăm vợ con. Hiện mẹ con chị Th vẫn ở tại khu phố còn anh T ở đâu chúng tôi không rõ .

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Th giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T vì xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Về con chung đề nghị giao cho chị tiếp tục nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Xử cho chị Th ly hôn anh T; Về con chung: Giao cho chị Th tiếp tục nuôi hai con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 10/5/2006 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày 10/8/2011, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường tại số 3/2 phố U, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương, nhưng căn cứ lời khai của đương sự, người làm chứng, xác minh tại Công an xã H, Trưởng thôn T có đủ cơ sở các định hiện anh T đang sinh sống tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Do đó Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương chuyển hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Th, anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/10/2005 tại UBND phường N, thành phố H là hôn nhân hợp pháp. Chị Th trình bày: Sau khi kết hôn anh chị chung sống ở thành phố H, quá trình chung sống vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, anh T không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Đến khoảng năm 2013-2014 có nhiều người đến nhà chị đòi tiền anh T, còn anh T vay tiền làm gì cũng không nói với chị, vì vậy chị bàn với anh T để chị đi lao động ở nước ngoài, anh T không đồng ý và còn đánh chị, sau đó anh T bỏ nhà đi, còn chị đi sang nước N lao động. Đến tháng 9/2015 chị về nước nhưng chị và anh T vẫn không về chung sống cùng nhau. Năm 2016 mẹ đẻ của anh T gọi điện nói với chị là anh T đang ở cùng với bà ở Thôn T, xã H, huyện N và bị đau chân nên chị đưa các con về thăm anh T, tuy nhiên chị và anh T không còn quan tâm tới nhau, không đưa ra được giải pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Xét lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng, thời gian anh T không chung sống cùng chị Th phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Lưu Thị L, anh Nguyễn Văn S, phù hợp với tài liệu xác minh tại Công an xã H, Trưởng Thôn T, Trưởng khu 14 - phường N. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa để trình bày quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của chị Th và tham gia phiên hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, không thể hiện quan điểm, chứng tỏ anh T không mong muốn hòa giải để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh T. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau...HĐXX xét thấy, anh T, chị Th không thực hiện được các nghĩa vụ trên, đã sống ly thân từ năm 2014. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Th ly hôn anh T.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Th, anh T có 02 con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 10/5/2006 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày 10/8/2011. Chị Th đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX xét thấy, hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị Th. Tại biên bản ghi lời khai (BL 16, 50) cháu Nguyễn Khánh L, cháu Nguyễn Khánh C trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Xét về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con

chung thấy chị Th đều đảm bảo các điều kiện về thu nhập, chỗ ở cho việc nuôi dưỡng con chung, anh T không có nghề nghiệp ổn định, không thể hiện quan điểm về con chung. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Th giao con chung là Nguyễn Khánh L và Nguyễn Khánh C cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung

[5] Về tài sản chung: Chị Th xác định chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Lê Thị Th ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 10/5/2006 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày 10/8/2011 cho chị Lê Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Hải Dương theo biên lai số AA/2016/0003364 ngày 09 tháng 04 năm 2018.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đường sự;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy

